

DI CHỈ ĐÔNG KHỐI

(Qua kết quả khai quật khảo cổ học)

PHẠM THANH SƠN*

Địa điểm khảo cổ Đông Khối có diện tích khoảng 160.000m², nằm trên cánh đồng, dưới chân Núi Voi, phía Tây- Nam thôn Đông Khối, xã Đông Cương (Thanh Hoá). Tháng 11 năm 1960, Vụ Bảo tồn Bảo tàng (nay là Cục Di sản văn hóa) phối hợp với Viện Sử học, Trường Đại học Tổng hợp và giáo sư P. I. Bô-ri-xkốp-xki (cố vấn) đã khảo sát, phát hiện, đào thám sát 2 hố (mỗi hố rộng 2m²). Trong đợt khai quật này, đã thu được là những mảnh tước (chỉ trong 2 hố thám sát đã có hơn 3.000 mảnh), phác vật, một số bàn mài, công cụ mài hoàn chỉnh, mảnh gốm...

Năm 1975, Viện Khảo cổ học phối hợp với Ty Văn hoá Thanh Hoá, tiến hành đào thám sát lại di tích Đông Khối, với diện tích 16m², trên cồn Con Ngựa (thuộc cánh đồng Hoa, thôn Mân Trung, xã Đông Lĩnh), cách chân Núi Voi khoảng 300m về hướng Tây- Nam. Hiện vật thu được gồm: 109.420 mảnh tước, 129 phế vật và phác vật bằng đá ba dan, một số mảnh bàn mài bằng sa thạch và phiến thạch, 9 mảnh vòng bằng đá ngọc và hơn 2.000 mảnh gốm.

Tháng 3- 1982, Viện Khảo cổ học lại phối

hợp với Ty Văn hoá Thanh Hoá tiếp tục khai quật 32m² (kể cả 4 hố thám sát), tại phía Tây- Nam Núi Voi. Hiện vật bằng đá gồm: 300.996 mảnh tước, 25 rìu mài, 93 phác vật, 22 bàn mài, 54 phế phác vật, 32 công cụ đẽo, 11 vòng, 1 hạt chuỗi và gần 100 hiện vật không phân loại. Đồ gốm có: 1 viên bi, 3 mảnh gốm hình tròn, 2 loại chạc gốm và 13.941 mảnh gốm các loại.

Tháng 5 - 2002, địa điểm Đông Khối tiếp tục được Viện Khảo cổ học đào thám sát 1 hố với diện tích 4m² ở sát chân Núi Voi. Hiện vật trong hố thám sát chỉ có 2 mảnh bàn mài bằng đá cát và đá phiến mềm, 1 mảnh đá có vết ghe, 8 mảnh tước, 89 mảnh đá khác, 1.557 mảnh gốm thô đã bị vỡ vụn và 2 mảnh gốm thời sau.

Tháng 12 năm 2006, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội phối hợp với Sở Văn hoá - Thông tin Thanh Hoá đã tiến hành khai quật tại đồng Quan, thôn Đông Khối, trên diện tích 50m². Hiện vật thu được, bao gồm: 244.223 mảnh tước; 563 phác vật; 17 bàn mài; 17 công cụ sản xuất; 21 mảnh đồ trang sức; 13.777 mảnh gốm... và nhiều hiện vật khác.

Qua gần nửa thế kỷ được phát hiện, địa điểm Đông Khối đã thu hút nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, không chỉ vì nó có số

* VIỆN KHẢO CỔ HỌC

lượng hiện vật đồ sộ mà còn vì tính chất, niên đại và vị trí của di chỉ này trong nền khảo cổ học Việt Nam. Từ kết quả của các cuộc khai quật, chúng tôi xin đưa ra vài nhận xét mang tính tổng hợp về Di chỉ Đông Khố, như sau:

Về địa tầng:

Di chỉ Đông Khố thuộc loại hình Di chỉ xưởng, phân bố rộng, mức độ di vật tập trung cao, độ dày trung bình của tầng văn hóa khoảng 70- 80 cm.

Về di vật đá:

Mảnh tước là loại hình di vật chiếm số lượng lớn nhất trong tổ hợp di vật ở Đông Khố. Đại đa số các mảnh tước đều có diện ghè, hình dáng khác nhau nhưng có điểm chung là, đều có u ghè nổi rõ, xu thế chiều dài luôn nhỏ hơn chiều rộng một chút. Một số ít có hiện tượng được gia công lần thứ hai.

Mảnh tước ở Đông Khố được phân thành 03 loại với kích thước khác nhau. Một đặc điểm rất dễ nhận thấy là, chúng có những nét rất đặc trưng. Đó là, mặc dù kích thước khác nhau song từ to tới nhỏ đều có thể xếp thành một chuỗi những mảnh gần như đồng dạng và rất phù hợp với mặt lõm để lại trên các phác vật.

Các mảnh tước ở Đông Khố thường có diện ghè rõ ràng. Tuy nhiên, có một số diện ghè được bao bọc bởi lớp vỏ đá tự nhiên và đa phần là những mảnh tước đầu tiên. Những mảnh tước không có lớp vỏ đá bao bọc, thường là những mảnh tước thứ sinh: "góc hợp giữa bụng và diện ghè thường vuông hoặc hơi tù nhưng phổ biến là gần vuông hoặc nhọn, đôi khi rất nhọn". Đối với những mảnh tước thứ sinh, ngoài những đặc điểm mặt bụng (mặt âm như những mảnh tước khác), mặt lưng của chúng thường có những gờ nổi (sống). Những gờ nổi này được tạo ra do những nhát ghè được hướng vào phần chung (điểm ghè) của hai mảnh tước trước đã bị tách ra. Thường thì những mảnh tước như vậy có kích thước nhỏ. Đa số chúng là sản phẩm của quá trình ghè tu chỉnh.

Một đặc điểm nổi bật nữa của mảnh tước Đông Khố là, đại đa số mảnh tước thường có u ghè nổi rất rõ và dày hơn diện ghè để lại trên mảnh tước. Phần u ghè nổi rõ rất phù hợp với những mặt lõm để lại trên phác vật.

Để tạo ra những mảnh tước, chắc hẳn người Đông Khố phải có những công cụ để tách mảnh tước. Vậy họ đã sử dụng loại hình công

cụ nào để tiến hành ghè đẽo ra những mảnh tước đó? Đôi khi chúng tôi thấy rằng, có những mảnh tước lớn được gia công lần thứ hai, với những nhát ghè rất cẩn thận, nhỏ, đều. Chúng tôi đã tìm được những hòn ghè và các công cụ mũi nhọn. Các nhà nghiên cứu trước đó cũng đã có những nhận định, nhiều khả năng sau khâu ghè thô (ghè phá) phải có những công cụ để tu sửa những nhát ghè nham nhở. Và, vấn đề này ngày càng được các nhà nghiên cứu chú ý nhiều hơn. Bên cạnh sự điển hình của mảnh tước thì phác vật rìu cũng đặc trưng cho tổ hợp di vật ở Đông Khố.

Qua những lần khảo sát, một số nhà nghiên cứu đã đề cập tới sự có mặt của rìu có vai, tuy nhiên, đây không phải là hiện vật tiêu biểu trong tổ hợp di vật của người Đông Khố. Trong tổ hợp phác vật rìu- bôn- đục, phác vật rìu tứ giác chiếm tỷ lệ lớn nhất, có mặt cắt hình chữ nhật hay hình thang. Đây cũng là một trong những loại hình di vật tiêu biểu trong tổ hợp di vật đá ở Đông Khố.

Quan sát hầu hết những phác vật rìu, bôn, đục, chúng tôi nhận thấy, chúng đều được tạo ra từ một phương pháp ghè giống nhau. Người Đông Khố thường dựa vào bề mặt tương đối phẳng của đá nguyên liệu và lấy đó làm bề mặt chuẩn để tiến hành ghè đẽo hoàn thành bề mặt còn lại. Chính vì vậy, trên một bề mặt của những phác vật rìu- bôn- đục thường có màu đỏ- vàng nhạt hay màu xám mốc. Các phác vật đó, sau khi đã qua khâu ghè thô thì tiếp tục được ghè tu chỉnh ở hai bên rìa cạnh và trên bề mặt rất cẩn thận. Đối với những phác vật sau khi được ghè phá, mặt cắt ngang thường có dạng gợn sóng.

Một điều dễ nhận thấy là, trên phác vật rìu, bôn, đục... hướng ghè thường hướng từ ngoài vào trong, hướng của lực ghè hợp với diện ghè một góc vuông hay góc tù. Tuy vậy, với những phác vật bị vỡ, có nhiều tiểu bản rìa lưỡi và rìa cạnh đã được ghè rất chỉnh bằng những nhát ghè nhỏ, tu chỉnh, đều nhưng lại bị vỡ chéo thân hoặc vỡ mất phần đốc. Những phác vật này chúng tôi chưa có điều kiện tiến hành thực nghiệm nhưng nhiều khả năng chúng bị vỡ theo những vân đá, đôi khi bị vỡ theo những thớ đá do chịu lực tác động mạnh trong quá trình chế tác? Trên một bề mặt cũng thường còn lớp vỏ đá tự nhiên có màu nâu xám hay vàng nhạt. Cá

biệt những hiện vật bị vỡ dọc thân.

Cũng xin lưu ý rằng, trong tổ hợp di vật của người Đông Khối ngoài kỹ thuật ghè đẽo còn có sự hiện diện của một kỹ thuật cũng rất điển hình, đó là kỹ thuật đập bẻ. Nghiên cứu kỹ thuật này trong bài nghiên cứu của mình năm 1993, Trần Quý Thịnh cho rằng: có tồn tại kỹ thuật: "tạo phác vật dài". Một số nhà nghiên cứu khác cũng đã đề cập sự tồn tại của loại hình kỹ thuật này ở địa điểm Côn Chân Tiên. Sự tồn tại loại di vật dạng nguyên này ở Đông Khối chỉ có 01 tiêu bản, chiều dài gấp nhiều lần chiều rộng, thon, rìa lưỡi đã được ghè tu chỉnh, khá sắc, đầu kia cũng có dấu vết của những nhát ghè tu chỉnh nhưng không biết sau đó nó có được tiến hành đập bẻ thành hai hiện vật hay không? Không thể phủ nhận rằng, kỹ thuật đập bẻ được người Đông Khối sử dụng rất phổ biến và đặc trưng, chúng được biểu hiện ở đốc của những phác vật hoàn chỉnh, hầu như không có mặt những nhát ghè mà đó chỉ là dấu vết của những vết đập bẻ ngang dứt khoát.

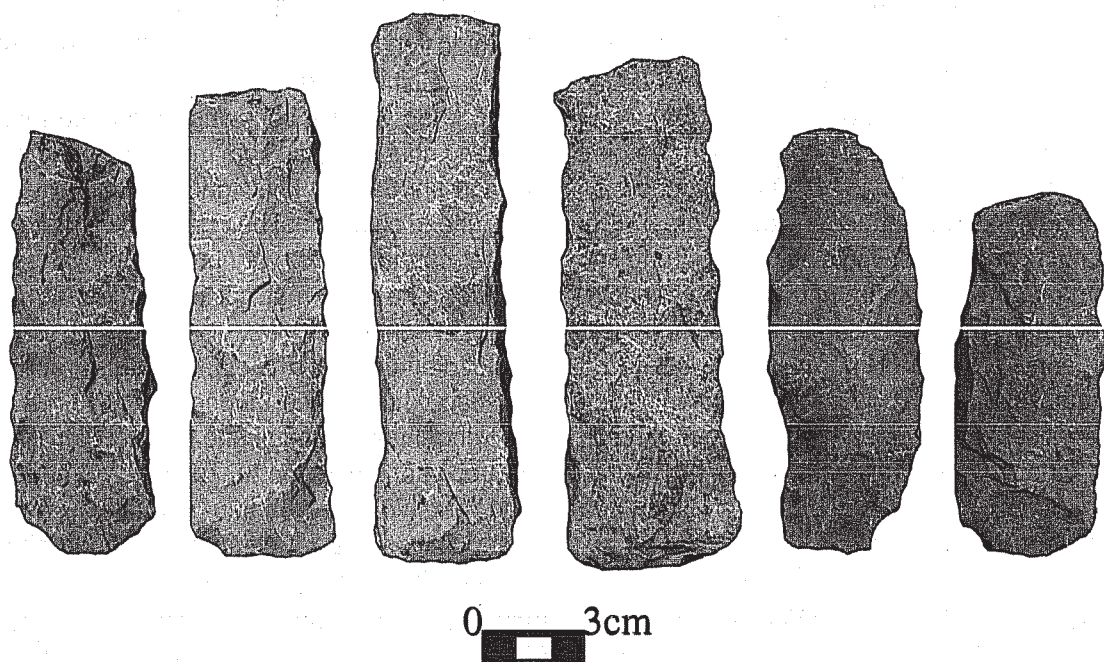
Đối với những phác vật dài, người Đông Khối sau đó sẽ sử dụng kỹ thuật đập bẻ để

thành hai hiện vật. Để tiến hành đập bẻ, người Đông Khối đã sử dụng những loại công cụ gì? Điều này cần có thời gian tìm hiểu và tiến hành nghiên cứu thực nghiệm.

Để có thể tạo ra những công cụ, phác vật, người Đông Khối đã phải sử dụng những công cụ công cụ mang tính chất chuyên dụng. Những công cụ đó có thể được tiến hành ghè đẽo với các bước khác nhau trong quy trình chế tác, dấu vết còn thấy rõ trên những hiện vật ở Đông Khối. Có những hiện vật được ghè với những nhát ghè tu chỉnh, nhỏ, đều ở rìa lưỡi cũng như hai rìa cạnh và đốc, qua đó khẳng định sự hoàn thiện về kỹ thuật chế tác đá của người Đông Khối.

Bộ công cụ sử dụng cho quy trình chế tác bước đầu gồm có: 03 hòn ghè và 05 công cụ mũi nhọn. Với hai loại công cụ này, có thể giúp chúng ta tạm hình dung về quy trình chế tác đá của người Đông Khối như sau:

Bước thứ nhất: người Đông Khối lấy nguyên liệu đá từ núi Đọ về để chế tác. Công việc này có thể thực hiện bằng hai cách đó là lợi dụng dòng chảy cổ hay bằng đường bộ.



Bước thứ hai: sau khi nguyên liệu được chọn lựa, họ tiến hành ghè bóc tách những mảnh tước (tách). Mảnh tước có thể được tận dụng để tiến hành gia công lần hai nhằm tạo ra những phác vật hay công cụ. Cùng với quá trình đó thì những phác vật sơ khai (ghè tạo phôi) cũng được định hình.

Bước thứ ba: trải qua bước ghè định hình, người Đông Khối sẽ tiến hành ghè tu chỉnh bề mặt, hai rìa cạnh và ghè tạo rìa lưỡi. Đối với những phác vật có kích thước lớn và dài, người Đông Khối tiến hành đập bẻ để tạo ra hai phác vật mới, nó không những tiết kiệm được nguyên liệu mà còn tiết kiệm được công sức, thời gian, nâng cao năng suất.

Bước thứ tư: tiến hành mài để có những công cụ hoàn chỉnh. Trong bước này có hai công đoạn nhỏ. Thứ nhất những phác vật đó sẽ được mài phá trên những bàn mài có kích thước lớn, chất liệu đá hạt thô. Bước thứ hai sẽ tiến hành mài (chuốt bóng) trên những bàn mài có chất liệu bằng đá hạt mịn, mềm để hiện vật có độ nhẵn bóng, đạt độ sắc đồng thời có tính thẩm mỹ cao.

Về di vật gốm:

Chúng ta không tìm thấy những dụng cụ liên quan tới kỹ thuật làm gốm. Nhưng với những mảnh gốm còn lại có thể tạm đoán định, để tạo ra những di vật gốm như vậy, người Đông Khối xưa đã biết đến kỹ thuật bàn xoay. Mặt khác, với những di vật không thể sử dụng bàn xoay họ dùng kỹ thuật nặn tay để chế tạo.

Dấu vết bàn xoay còn thể hiện rõ thông qua những mảnh chân đế, những mảnh miệng... cho thấy sự tồn tại của kỹ thuật này là phổ biến.

Ngoài kỹ thuật bàn xoay, kỹ thuật gắn chấp và nặn tay cũng tồn tại thông qua loại hình chân đế cao, những mảnh đế- đáy, bi gốm, chì lưới, tượng gốm, chân giò... Đồ gốm sau khi được chế tạo có thể được trang trí hoa văn ở thành miệng trong, thành miệng ngoài, trên thân... với những môtip trang trí và phong cách không giống nhau.

Đời sống của cư dân Đông Khối:

Hiện tại, chúng ta chưa tìm thấy dấu vết của thóc- gạo hay những chứng cứ có liên quan tới kinh tế nông nghiệp nhằm chứng minh cho sự có mặt và tồn tại của hình thức kinh tế này. Tuy nhiên, có một thực tế, nhiều khả năng người cổ Đông Khối đã biết đến kinh tế nông nghiệp.

Quan điểm này có thể giải thích như sau: với một công xưởng có tính chuyên môn hoá cao, quy mô rộng lớn như Đông Khối nếu nguồn lương thực không đáp ứng đủ thì chắc chắn hoạt động khai thác nguyên liệu và chế tác đá sẽ không thể tồn tại và phát triển được. Bên cạnh đó, không ngoại trừ một khả năng người cổ Đông Khối đã tiến hành những hoạt động giao lưu, trao đổi sản phẩm với những cư dân ở khu vực khác nhằm phục vụ cho hoạt động của họ.

Mặt khác, người Đông Khối được thiên nhiên vùng này hết sức ưu đãi. Đó chính là hệ thống sông Mã, sông Chu: "Sông Mã bắt nguồn từ vùng núi Điện Biên chảy qua Sầm Nưa vào địa phận Thanh Hoá ở Mường Lát. Từ nguồn đến Cẩm Thủy sông chảy ào ạt khi thì đi qua những ghềnh đá lởm chởm, khi thì uốn khúc rộng ra để lộ những bãi cát trắng dài. Sau khi tiếp nhận sông Chu ở ngã Ba Bông, sông chia làm ba nhánh để ra biển (sông Đò Lèn, sông Lạch Trường và sông Mã)". Đồng bằng Thanh Hoá hôm nay được bồi chủ yếu là do nguồn phù sa của sông Mã và sông Chu. Với điều kiện thuận lợi do cư trú gần các con sông lớn đó, rất có thể người Đông Khối xưa đã tiến hành sản xuất, canh tác trên quy mô khá lớn, nhu cầu trực tiếp nhất là để phục vụ đời sống của họ, đồng thời còn phục vụ cho một bộ phận không nhỏ những người tiến hành khai thác nguyên liệu và chế tác đá (thợ thủ công).

Một số nhà nghiên cứu cũng khẳng định, giai đoạn Đông Khối, nông nghiệp cũng có những bước phát triển mới. Ngoài việc trồng các cây cho củ, cho quả như giai đoạn trước, lúa tẻ, lúa nếp được trồng nhiều hơn. Phân tích những mẫu trấu lẫn lộn trong đất làm gốm của di chỉ Đông Ngâm, Bái Man, các nhà khảo cổ học đã cho rằng, nó là giống lúa có dạng hạt tròn. Như vậy, lúa nếp có thể trở thành giống cây nông nghiệp quan trọng trong cơ cấu lương thực của người ở giai đoạn này. (Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hoá 1990).

Việc phát hiện số lượng lớn di vật cùng với quy mô rộng lớn của di chỉ- xưởng Đông Khối cho phép chúng ta có những nhận định rằng: nhiều khả năng trong tổ chức xã hội của người Đông Khối đã có sự phân tách giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp. Một bộ phận cư dân sẽ sống chủ yếu bằng hoạt động canh tác

nông nghiệp, sản xuất phục vụ cho những người thợ chế tác đá. Một bộ phận còn lại là những người chuyên chế tác đá.

Qua những cuộc khảo sát, khai quật tới thời điểm hiện tại, chúng ta đã thấy sự có mặt của chì lưới, dọi xe chỉ với số lượng thấp. Nhưng với điều kiện thuận lợi, do nằm gần sông Mã cũng như gần khu vực núi Voi đã từng tồn tại dòng chảy cổ, nên cho phép chúng ta bước đầu có những nhận định trong một chừng mực, người Đông Khối xưa đã khai thác nguồn lợi thuỷ sản nhằm tăng thêm nguồn đạm cho đời sống nhưng hoạt động này chỉ giữ vai trò thứ yếu.

Song song với mảng kinh tế nông nghiệp, một hoạt động kinh tế khác nổi bật nhất ở đây đó là hoạt động kinh tế thủ công nghiệp. Trong tác phẩm: Các trung tâm sản xuất thủ công tiền- sơ sử ở Việt Nam, các tác giả đã nhận định, Đông Khối là một trong những trung tâm sản xuất thủ công lớn nhất ở nước ta đặc biệt là về lĩnh vực chế tác đá trong hệ thống các trung tâm sản xuất thủ công thời đại Kim khí.

Nhiều hạch đá với kích thước nhỏ được sử dụng trực tiếp để ghè tạo thành phác vật. Với số lượng hiện vật lớn và sự phong phú về loại hình di vật như vậy đã nói lên tính chất của địa điểm này. Thông qua những di vật còn lại cho thấy người Đông Khối xưa đã đạt tới trình độ cao trong kỹ thuật chế tác đá.

Nguồn nguyên liệu được sử dụng chế tác ở Đông Khối được lấy từ núi Đọ bằng những con đường khác nhau. Nhưng trên hết, với số lượng di vật và địa bàn phân bố rộng lớn đã nói lên rằng: Đông Khối ngày xưa là một địa điểm tấp nập và là một công xưởng có tính chất chuyên môn hoá cao. Để đạt được tới quy mô của một công xưởng lớn và chuyên môn hoá cao phải có nguồn nguyên liệu dồi dào. Bên cạnh đó, phải có nguồn nhân công và lương thực để đáp ứng cho việc gia công, chế tác đá. Điều này cũng cho thấy, nông nghiệp có một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống của người Đông Khối xưa. Ngoài khai thác các nguồn lợi kinh tế nông nghiệp cũng không loại trừ khả năng người Đông Khối đã khai thác lâm sản từ những cánh rừng xung quanh đó.

Về sự có mặt của đồ trang sức tại di chỉ Đông Khối vẫn còn là một câu hỏi lớn. Liệu sự xuất hiện của những đồ trang sức bằng đá ngọc ở đây là do người Đông Khối chế tạo hay

đó là sản phẩm của quá trình giao lưu với những cư dân văn hóa khác? Nếu như đây đích thực là những sản phẩm của người Đông Khối thì loại nguyên liệu này sẽ được khai thác tại chỗ hay cũng do trao đổi, giao lưu? Tìm hiểu vấn đề này có thể trả lời câu hỏi ai là chủ nhân của địa điểm Đông Khối? Nhưng với thực tế tình hình tư liệu hiện nay chúng ta chưa thể có những câu trả lời thuyết phục.

Đồ gốm của người Đông Khối làm ra đa số là gốm thô, thường được phủ lớp áo gốm màu đỏ, xương gốm có màu xám đen. Thông qua đồ gốm ở đây, chúng ta thấy, người Đông Khối đã chế tạo gốm bằng bàn xoay tạo ra nhiều loại hình đồ đựng với nhiều kiểu miệng và chân đế khác nhau. Bên cạnh đó, cũng có một số lượng gốm mịn, xương gốm có màu đỏ thẫm, nhiều khả năng đó là loại gốm cao cấp được người Đông Khối sử dụng vào những dịp quan trọng trong đời sống tinh thần?

Có thể thấy rằng, qua bộ di vật đã phản ánh khá đầy đủ những hoạt động kinh tế của người Đông Khối xưa. Nổi lên đó là vai trò của kinh tế nông nghiệp và sự phát triển của nghề chế tác đá. Nhiều khả năng ở đây đã hình thành nên một tổ chức xã hội có sự phân công lao động cao. Ở một mức độ nào đó đã có sự tồn tại của một số thành viên đứng ra điều hành hoạt động sản xuất nhằm tạo ra sự phân công trong lao động một cách hợp lý.

Vấn đề niên đại và chủ nhân của địa điểm Đông Khối:

Với bộ di vật đồ sộ cùng với những kết quả nghiên cứu từ trước tới nay, về đại thể có thể xếp Đông Khối thuộc phạm trù thời đại Kim khí (thời đại đồ đồng). Nhưng có nhiều nhà nghiên cứu vẫn còn băn khoăn về niên đại của Đông Khối với Cồn Chân Tiên: Đông Khối có niên đại sớm hơn hay muộn hơn Cồn Chân Tiên? Dựa vào kết quả khảo sát Điều tra thám sát khảo cổ học các huyện Thọ Xuân, Nông Cống và thành phố Thanh Hoá của Phạm Minh Huyền, chúng tôi đồng ý với quan điểm khi cho rằng, Đông Khối có niên đại muộn hơn Cồn Chân Tiên một chút và có cùng niên đại với địa điểm Khe Tiên Nông. Gốm khe Tiên Nông rất giống gốm Đông Khối về chất liệu: đều là gốm thô, có lẫn nhiều tạp chất, hạt sạn, sỏi, đa phần gốm bị bong chóc mất lớp áo gốm.... Cũng đề cập tới niên đại của địa điểm này, trong *Khảo cổ học tập II-*

Thời đại Kim khí ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu cũng đã phân cho rằng, niên đại Đông Khối muộn hơn Cồn Chân Tiên chút ít trên cơ sở so sánh loại hình đồ gốm, kỹ thuật chế tác đồ đá... và Đông Khối có niên đại tương đương với lớp dưới của Đồng Ngâm, Bái Man...

Đông Khối là một Di chỉ xưởng có quy mô lớn nhất mà chúng ta hiện biết ở nước ta. Chính vì vậy, việc bảo vệ di tích là điều hết sức quan trọng. Rất mong các cấp, các ngành cùng quan tâm, đồng thời tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu tiếp tục tiến hành công việc để làm rõ những giá trị của di tích này đối với việc nghiên cứu các văn hóa khảo cổ lưu vực ngã ba sông Mã, sông Chu nói riêng và những văn hóa thuộc về thời đại Kim khí ở Việt Nam nói chung./.

D.T.Đ

Tài liệu tham khảo:

- 1- Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hoá 1990, *Lịch sử Thanh Hoá Tập I- Thời tiền sử và sơ sử*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- 2- Nguyễn Giang Hải, Nguyễn Việt 1982, *Khai quật Đông Khối (Thanh Hoá)*, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1982*.
- 3- Phạm Minh Huyền, Phạm Thị Ninh, Bùi Văn Liêm

2002, *Đào thám sát di chỉ Đông Khối*, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2002*.

4- Phạm Minh Huyền 2002, *Điều tra thám sát khảo cổ học các huyện Thọ Xuân, Nông Cống và thành phố Thanh Hoá*, *Tư liệu tại Bảo tàng Tổng hợp Thanh Hóa*.

5- Ngô Thế Phong 1976, *Đào thám sát địa điểm Đông Khối (Thanh Hoá) lần thứ hai (1975)*, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học*.

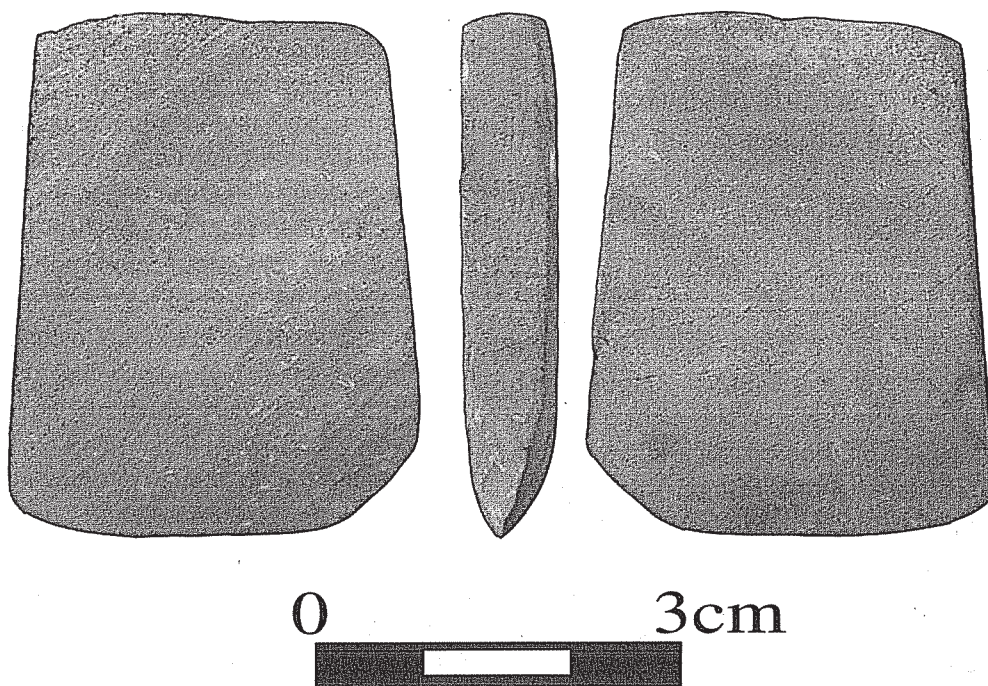
6- Ngô Thế Phong 1985, *Một vài nhận xét về kỹ thuật ghè ở di chỉ xưởng Đông Khối*, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1983*, Viện khảo cổ học- Ủy ban khoa học xã hội.

7- Viện Sử học 1961, *Dấu vết xưa của người nguyên thủy trên đất Việt Nam*, Nxb Sử học, Hà Nội.

8- Trần Quý Thịnh 1992, *Tim hiểu về một bước kỹ thuật trong quy trình chế tác rìu, ở di chỉ- xưởng Đông Khối*, trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1993*.

9- Lê Bá Thảo 1977, *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Mỹ thuật

10- Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng 1961, *Sơ yếu khảo cổ học nguyên thủy Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.



Công cụ đồ đá, di chỉ Đông Khối (Thanh Hoá)- Ảnh: Tác giả